

Số: *06* /2022/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày *16* tháng 6 năm 2022

### NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung, mức chi cho công tác tập huấn, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý; công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi áp dụng đối với giáo dục mầm non, phổ thông trên địa bàn tỉnh;  
Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông của tỉnh Thái Nguyên**

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV KỲ HỌP THỨ SÁU (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;*

*Căn cứ Thông tư số 51/2018/TT-BTC ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Quyết định số 2080/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017 - 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 29/2021/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí thẩm định sách giáo khoa giáo dục phổ thông;*

*Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;*

*Căn cứ Thông tư số 83/2021/TT-BTC ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông;*

*Xét Tờ trình số 61/TTr-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi cho công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi áp dụng đối với giáo dục mầm non, phổ thông; Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông; tập huấn, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

#### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi cho công tác tập huấn, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý; công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi áp dụng đối với giáo dục mầm non, phổ thông trên địa bàn tỉnh; Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông của tỉnh Thái Nguyên.

#### **2. Đối tượng áp dụng**

Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, các cơ sở giáo dục, các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên được cơ quan có thẩm quyền giao tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được quy định trong phạm vi nêu trên.

### **Điều 2. Nội dung, mức chi cụ thể**

#### **1. Nội dung và mức chi**

a) Quy định mức chi cụ thể cho công tác tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý

*(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)*

b) Quy định nội dung, mức chi cụ thể cho công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi áp dụng đối với giáo dục mầm non, phổ thông trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

*(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)*

c) Quy định nội dung, mức chi cụ thể cho Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông của tỉnh Thái Nguyên

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo).

## 2. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước được giao trong dự toán hằng năm cho ngành giáo dục và đào tạo theo phân cấp quản lý và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

## Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2022.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 08/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định một số nội dung chi, mức chi phục vụ các kỳ thi, cuộc thi thuộc ngành giáo dục và đào tạo tỉnh Thái Nguyên.

## Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ sáu (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2022. /.

### Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp (Kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIV;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Kiểm toán nhà nước Khu vực X;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Thái Nguyên, Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Hoàng Sơn**

## Phụ lục I

### QUY ĐỊNH MỨC CHI TẬP HUẤN, BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ CƠ SỞ GIÁO DỤC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỚI, SÁCH GIÁO KHOA MỚI GIÁO DỤC PHỔ THÔNG TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CÔNG LẬP THUỘC TỈNH THÁI NGUYÊN QUẢN LÝ

(Kèm theo Nghị quyết số *06* /2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
1	Tập huấn, bồi dưỡng giáo viên theo Đề án “Nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn 2030” thực hiện Nghị quyết số 172/NQ-HĐND ngày 04 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh		Thực hiện theo Thông tư số 51/2018/TT-BTC ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Quyết định số 2080/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Đề án dạy học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017 - 2025
2	Tập huấn, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông		
2.1	Chi số hóa tài liệu phục vụ tập huấn, bồi dưỡng trực tuyến - Xây dựng kịch bản dạy học của bài học, nội dung chi tiết của bài học ( <i>từng hoạt động</i> ) theo kịch bản dạy học ( <i>chuỗi các hoạt động dạy học</i> ) của bài học	Người/ Ngày	1.200
2.2	Chi nhập liệu nội dung văn bản, số hoá câu hỏi vào hệ thống học tập trực tuyến, số hoá nội dung văn bản vào hệ thống quản lý học tập, gia công bài giảng điện tử tương tác ( <i>trang tài liệu dạng đặc biệt có nhiều công thức toán học, hoặc các ký tự đặc biệt</i> )	Trang	8
2.3	Chi khen thưởng cho học viên đạt loại Xuất sắc	Người	200
2.4	Chi khen thưởng cho học viên đạt loại Giỏi	Người	150
2.5	Các nội dung chi khác ( <i>ngoài các nội dung nêu trên</i> )		Thực hiện theo Thông tư số 83/2021/TT-BTC ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông

## Phụ lục II

### QUY ĐỊNH NỘI DUNG, MỨC CHI CHO CÔNG TÁC CHUẨN BỊ, TỔ CHỨC VÀ THAM DỰ CÁC KỲ THI, CUỘC THI, HỘI THI ÁP DỤNG ĐỐI VỚI GIÁO DỤC MẦM NON, PHỔ THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN

(Kèm theo Nghị quyết số **16** /2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
<b>A</b>	<b>TIỀN CÔNG ĐỐI VỚI CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG VÀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA</b>		
<b>1</b>	<b>Ban chỉ đạo thi (Áp dụng cho kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông)</b>		
	Trưởng ban	Người/Ngày	550
	Phó Trưởng ban	Người/Ngày	475
	Ủy viên, thư ký	Người/Ngày	375
<b>2</b>	<b>Hội đồng thi (Áp dụng cho kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông)</b>		
	Chủ tịch	Người/Ngày	475
	Phó Chủ tịch	Người/Ngày	450
	Ủy viên	Người/Ngày	375
<b>3</b>	<b>Ban thư ký</b>		
	Trưởng ban	Người/Ngày	450
	Phó Trưởng ban	Người/Ngày	400
	Ủy viên	Người/Ngày	350
<b>4</b>	<b>Ban in sao đề thi</b>		
	Trưởng ban	Người/Ngày	450
	Phó Trưởng ban	Người/Ngày	400
	Thư ký, ủy viên	Người/Ngày	350
	Công an bảo vệ làm việc 24h/24h	Người/Ngày	220
	Công an vòng ngoài, phục vụ, bảo vệ, y tế	Người/Ngày	200
<b>5</b>	<b>Ban vận chuyển và bàn giao đề thi</b>		
	Trưởng ban	Người/Ngày	450
	Ủy viên	Người/Ngày	350

<b>6</b>	<b>Ban coi thi/ Hội đồng coi thi</b>		
	Trưởng ban/Chủ tịch Hội đồng	Người/Ngày	450
	Phó ban/ Phó Chủ tịch Hội đồng	Người/Ngày	400
	Ủy viên, thư ký, giám thị, giám sát, kỹ thuật viên	Người/Ngày	350
	Công an, y tế, bảo vệ, phục vụ	Người/Ngày	200
<b>7</b>	<b>Điểm thi</b>		
	Trưởng điểm	Người/Ngày	420
	Phó Trưởng điểm	Người/Ngày	380
	Ủy viên, thư ký, cán bộ coi thi, cán bộ giám sát	Người/Ngày	300
	Công an, trật tự viên, kiểm soát viên quân sự, bảo vệ, y tế, phục vụ	Người/Ngày	200
<b>8</b>	<b>Ban làm phách</b>		
	Trưởng ban	Người/Ngày	450
	Phó Trưởng ban	Người/Ngày	400
	Ủy viên, thư ký	Người/Ngày	350
	Công an, y tế, phục vụ, bảo vệ	Người/Ngày	200
<b>9</b>	<b>Các Hội đồng/Ban: Chấm thi; chấm phúc khảo; chấm thẩm định</b>		
	Chủ tịch/Trưởng Ban	Người/Ngày	450
	Phó Chủ tịch/ Phó Trưởng ban	Người/Ngày	400
	Tổ trưởng các tổ chấm thi ( <i>ngoài tiền công chấm thi</i> )	Người/Đợt	300
	Tổ phó các tổ chấm thi ( <i>ngoài tiền công chấm thi</i> )	Người/Đợt	250
	Cán bộ chấm bài thi tự luận, chấm thẩm định, chấm kiểm tra, chấm trắc nghiệm	Người/Ngày	400
	Cán bộ giám sát, thư ký, ủy viên	Người/Ngày	300
	Công an, y tế, bảo vệ, phục vụ	Người/Ngày	200
<b>10</b>	<b>Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp</b>		
	Chủ tịch	Người/Ngày	350
	Phó Chủ tịch	Người/Ngày	320
	Ủy viên, thư ký	Người/Ngày	250
<b>11</b>	<b>Công tác thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi</b>		
	Trưởng đoàn	Người/Ngày	450
	Phó Trưởng đoàn	Người/Ngày	400
	Thành viên	Người/Ngày	315
	Thanh tra viên độc lập	Người/Ngày	375
<b>12</b>	<b>Trực đêm cho cán bộ/Công an trông bài thi</b>	Người/Đêm	150

13	<b>Tiền ăn và giải khát giữa giờ cho các thành viên Hội đồng/Ban làm việc</b>		
	Trong thời gian thực tế ra đề thi, in sao đề thi, làm phách		
	<i>Tiền ăn</i>	Người/Ngày	225
	<i>Tiền giải khát giữa giờ</i>	Người/Ngày	30
	Trong thời gian cách ly còn lại ( <i>cách ly để chờ hết thời gian tổ chức kỳ thi mà không phải trực tiếp làm nhiệm vụ ra đề thi, in sao đề thi, làm phách</i> )		
	<i>Tiền ăn</i>	Người/Ngày	150
	<i>Tiền giải khát giữa giờ</i>	Người/Ngày	20
	Tiền giải khát giữa giờ cho các thành viên tham gia công tác tổ chức thi và chấm thi	Người/Ngày	20
<b>B</b>	<b>TIỀN CÔNG ĐỐI VỚI CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA KỶ THI, CUỘC THI, HỘI THI CẤP TỈNH</b>		
<b>I</b>	<b>Áp dụng bằng 80% mức chi tại khoản A cho các thành viên có chức năng, nhiệm vụ tương ứng trong các kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp tỉnh</b>		
<b>II</b>	<b>Ban Tổ chức</b>		
	Trưởng ban	Người/Ngày	400
	Phó Trưởng ban	Người/Ngày	350
	Ủy viên, thư ký	Người/Ngày	275
<b>III</b>	<b>Hội đồng xét tuyển sinh</b>		
	Chủ tịch	Người/Ngày	380
	Phó Chủ tịch	Người/Ngày	320
	Ủy viên, thư ký	Người/Ngày	255
<b>IV</b>	<b>Hội đồng/Ban ra đề</b>		
	Chủ tịch/Trưởng ban	Người/Ngày	380
	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/Ngày	320
	Thư ký, ủy viên, kỹ thuật viên	Người/Ngày	280
	Người làm nhiệm vụ về tin học - kỹ thuật	Người/Ngày	250
	Công an bảo vệ vòng trong 24/24h	Người/Ngày	180
	Công an vòng ngoài, bảo vệ, y tế, phục vụ	Người/Ngày	160
<b>V</b>	<b>Tiền công ra đề thi</b>		
<b>1</b>	<b><i>Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi</i></b>		
	Chủ trì	Người/Ngày	450
	Các thành viên	Người/Ngày	300

<b>2</b>	<b>Tiền công ra đề đề xuất đối với đề tự luận</b>		
	Thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp phổ thông, các cuộc thi, hội thi cấp tỉnh	Đề	480
	Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, Giáo viên làm Tổng phụ trách Đội giỏi; Giáo viên làm cán bộ Đoàn giỏi	Đề theo phân môn	700
	Thi lập đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia và cấp khu vực	Đề theo phân môn	750
<b>3</b>	<b>Tiền công ra đề thi chính thức và dự bị kèm đáp án, biểu điểm</b>		
	Thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp phổ thông, các cuộc thi, hội thi cấp tỉnh	Người/Ngày	500
	Thi tuyển sinh lớp 10 môn chuyên	Người/Ngày	700
	Thi Giáo viên làm Tổng phụ trách Đội giỏi; Giáo viên làm cán bộ Đoàn giỏi ( <i>Đề tự luận, đề trắc nghiệm, đề thực hành, đề thi nói</i> )	Người/Ngày	700
	Thi chọn đội tuyển học sinh giỏi dự thi cấp quốc gia ( <i>Đề tự luận, đề trắc nghiệm, đề thực hành, đề thi nói</i> )	Đề	4500
	Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh ( <i>Đề tự luận, đề trắc nghiệm, đề thực hành, đề thi nói</i> )	Đề	4200
<b>4</b>	<b>Tiền công xây dựng ngân hàng câu hỏi thi</b>		
	<b>Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi</b>		
	Chủ trì	Người/Ngày	450
	Thành viên	Người/Ngày	300
<b>4.1</b>	<b>Tiền công đối với câu hỏi</b>		
	Tiền công soạn thảo câu hỏi thô	Câu	70
	Tiền công rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	Câu	60
	Tiền công chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	Câu	50
	Tiền công chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	Câu	35
	Tiền công rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	Câu	10
	Tiền công phân tích kết quả thi thử nghiệm theo từng đề thi	Báo cáo/Môn	800
<b>4.2</b>	<b>Tiền công thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm</b>		
	Chủ trì	Người/Ngày	450
	Thành viên	Người/Ngày	300



VI	<b>Tiền công Giám khảo chấm thi: Giáo viên dạy giỏi; Giáo viên làm Tổng phụ trách Đội giỏi; Giáo viên làm cán bộ Đoàn giỏi; Thi Khoa học kĩ thuật; Giai điệu tuổi hồng; Học sinh, sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp</b>		
1	Giám khảo chấm chung biện pháp góp phần nâng cao chất lượng công tác giảng dạy bộ môn, kế hoạch bài dạy ( <i>giáo án</i> ) của Hội thi và thống nhất phương án chấm thi theo từng môn	Người/Ngày	500
2	Giám khảo rút kinh nghiệm phần trình bày biện pháp góp phần nâng cao chất lượng và phần thi thực hành tiết dạy ( <i>thi giảng</i> ) đối với giáo viên dự thi theo từng môn	Người/Ngày	500
3	Giám khảo chấm thi độc lập trình bày biện pháp	Biện pháp	200
4	Giám khảo chấm thi độc lập phần thực hành tiết dạy ( <i>thi giảng</i> )	Người/Tiết	200
5	Giám khảo chấm thẩm định đề tài, dự án nghiên cứu khoa học	Đề tài	100
6	Giám khảo chấm thi theo từng lĩnh vực, nhóm lĩnh vực		
	<i>Giám khảo là Giáo sư, Phó Giáo sư; Chuyên viên cao cấp, Giảng viên cao cấp</i>	Người/Ngày	1.400
	<i>Giám khảo là Tiến sĩ; Giảng viên chính; Chuyên viên chính</i>	Người/Ngày	1.200
	<i>Giám khảo là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các cơ quan, đơn vị ở Trung ương và cấp tỉnh (ngoài đối tượng nêu trên)</i>	Người/Ngày	1.000
	<i>Giám khảo là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các đơn vị từ cấp huyện và tương đương trở xuống</i>	Người/Ngày	600
VII	<b>Tiền ăn và giải khát giữa giờ cho các thành viên Hội đồng/Ban làm việc</b>		Áp dụng bằng 100% mức chi tiền ăn và giải khát giữa giờ cho các thành viên Hội đồng/Ban làm việc kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông và thi chọn học sinh giỏi Quốc gia (Mục A - Phụ lục II)
VIII	<b>Các kỳ thi, cuộc thi, hội thi khác cấp tỉnh (<i>ngoài các kỳ thi, cuộc thi, hội thi đã nêu trên</i>)</b>		Áp dụng bằng 100% mức chi tiền công đối với các thành viên tham gia kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp tỉnh (Mục B - Phụ lục II)

C	<p><b>CÁC KỲ THI, CUỘC THI, HỘI THI CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, CƠ SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CẤP HUYỆN, CẤP TRƯỞNG</b></p>	<p>Căn cứ tình hình ngân sách và nội dung cụ thể để chi cho việc tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong phạm vi nhiệm vụ chuyên môn và nguồn kinh phí hoạt động của đơn vị, mức chi áp dụng tối đa không vượt quá 80% mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp tỉnh (Mục B - Phụ lục II)</p>
---	--	--



**Phụ lục III**

**QUY ĐỊNH NỘI DUNG, MỨC CHI CHO HỘI ĐỒNG LỰA CHỌN  
SÁCH GIÁO KHOA TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG  
CỦA TỈNH THÁI NGUYÊN**

*((Kèm theo Nghị quyết số 06 /2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên))*

*ĐVT: Nghìn đồng*

<b>STT</b>	<b>Nội dung chi</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Mức chi</b>
1	Chủ tịch	Người/Buổi	160
2	Phó Chủ tịch	Người/Buổi	140
3	Ủy viên, thư ký	Người/Buổi	120
4	Đọc tài liệu	Người/Tiết	15

